

Số: 01/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

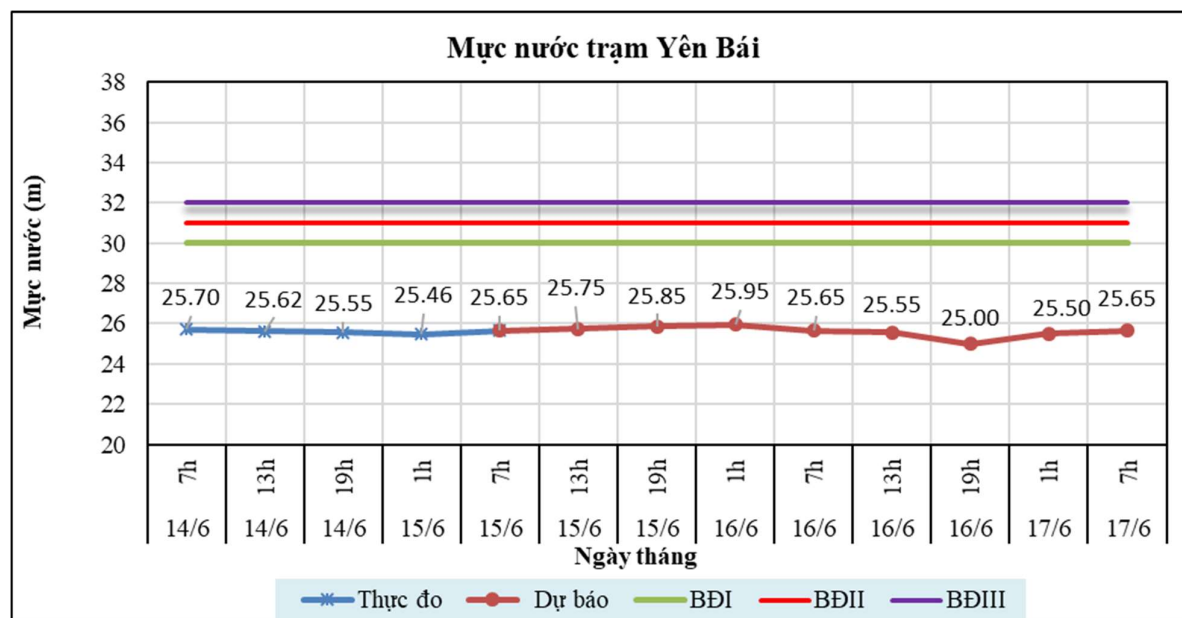
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

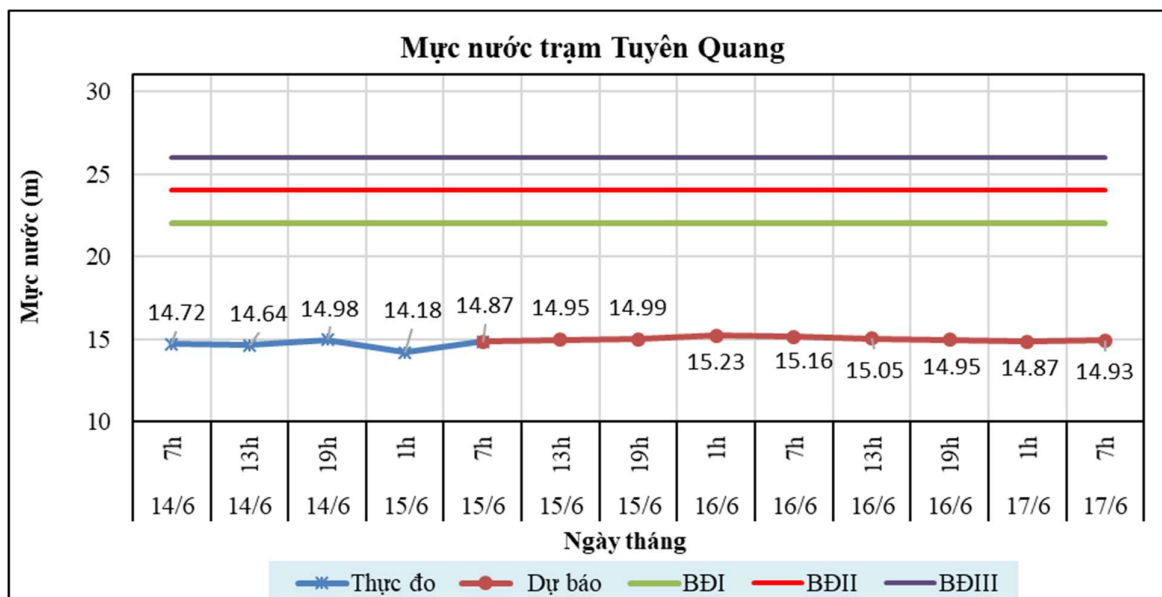
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

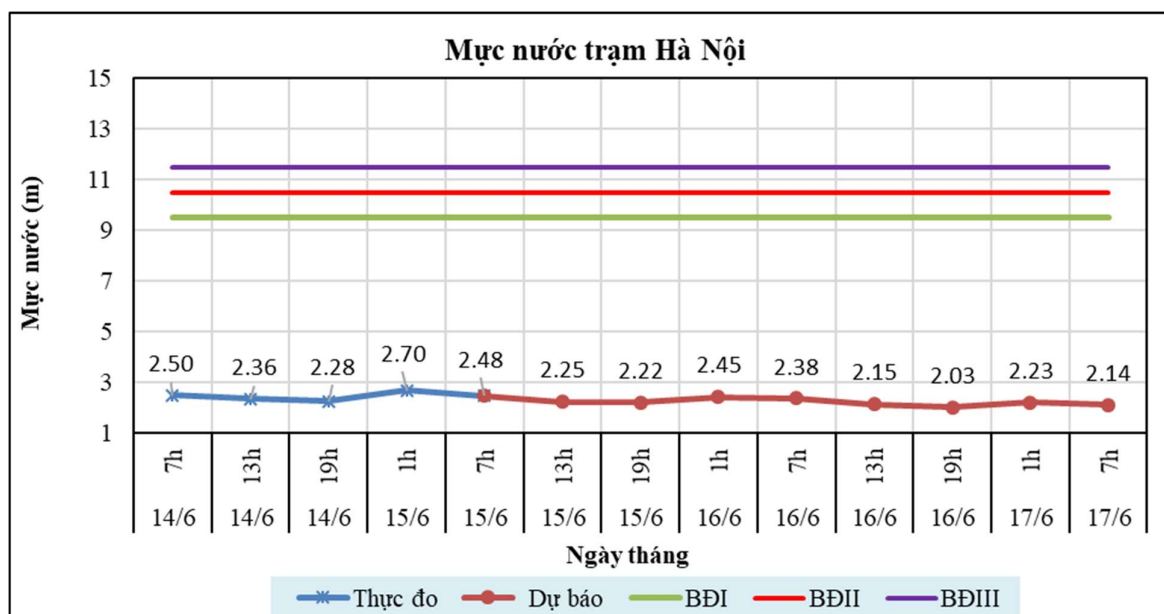
1.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

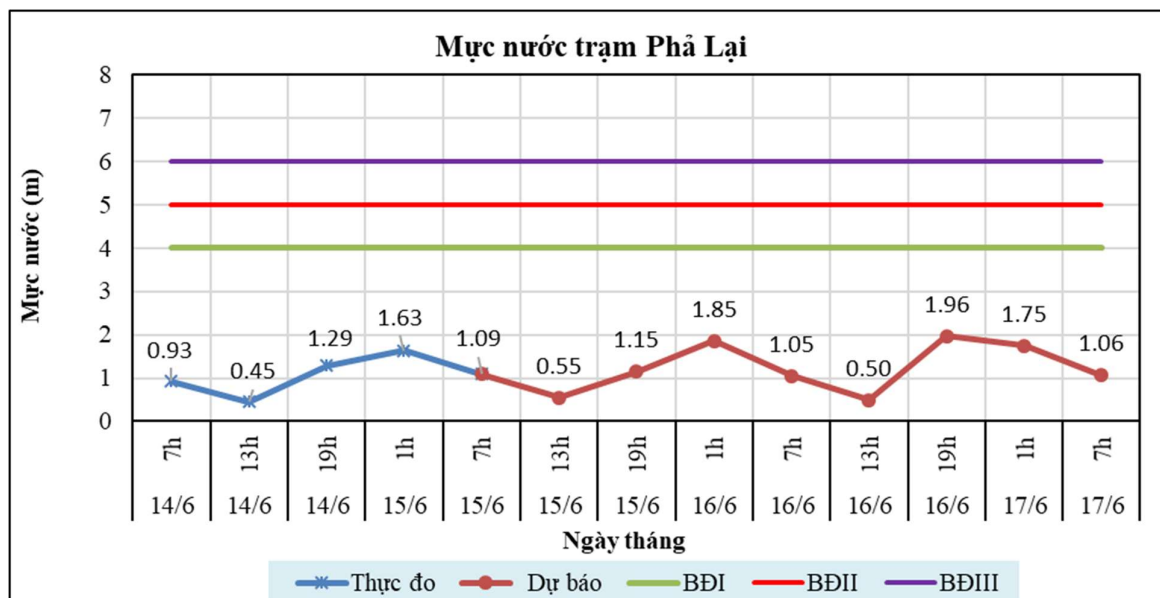
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

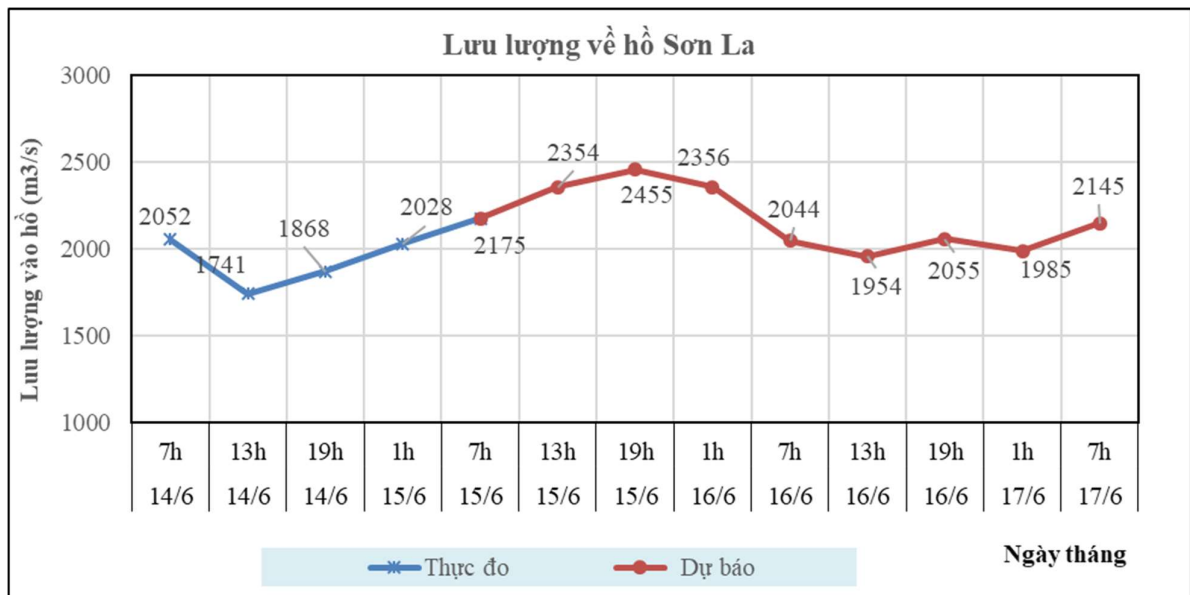
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

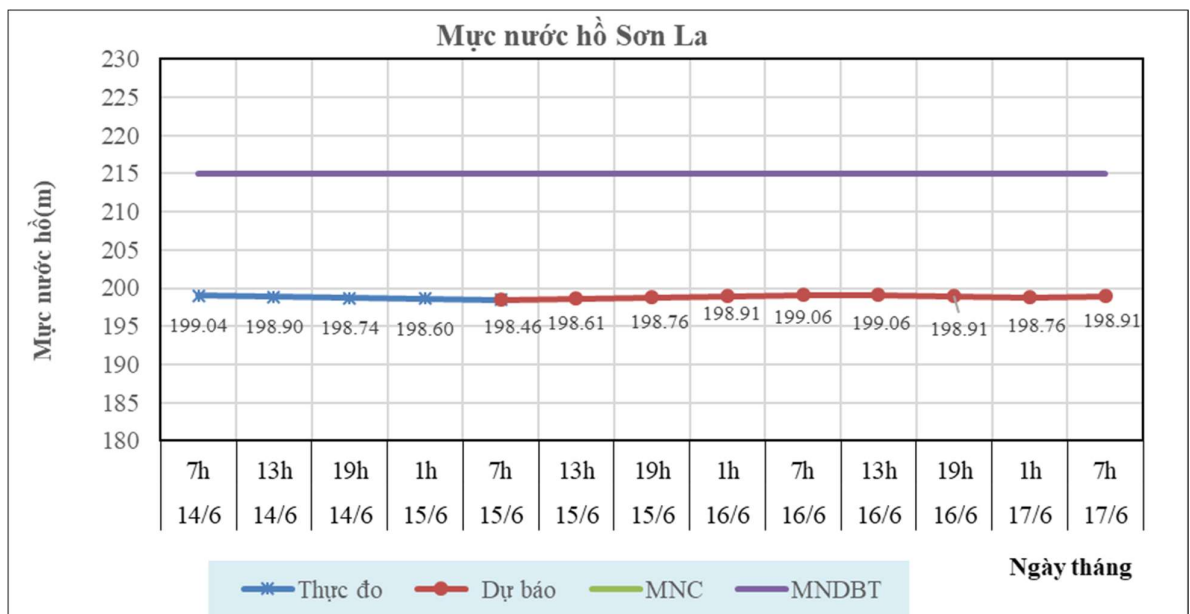
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/6/2025 đạt 2175m³/s, mực nước hồ đạt 198.46m, lưu lượng có xu thế tăng, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3033m³/s, mực nước hồ 214.13m, 48h tới lưu lượng đạt 2145m³/s, mực nước đạt 214.15m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

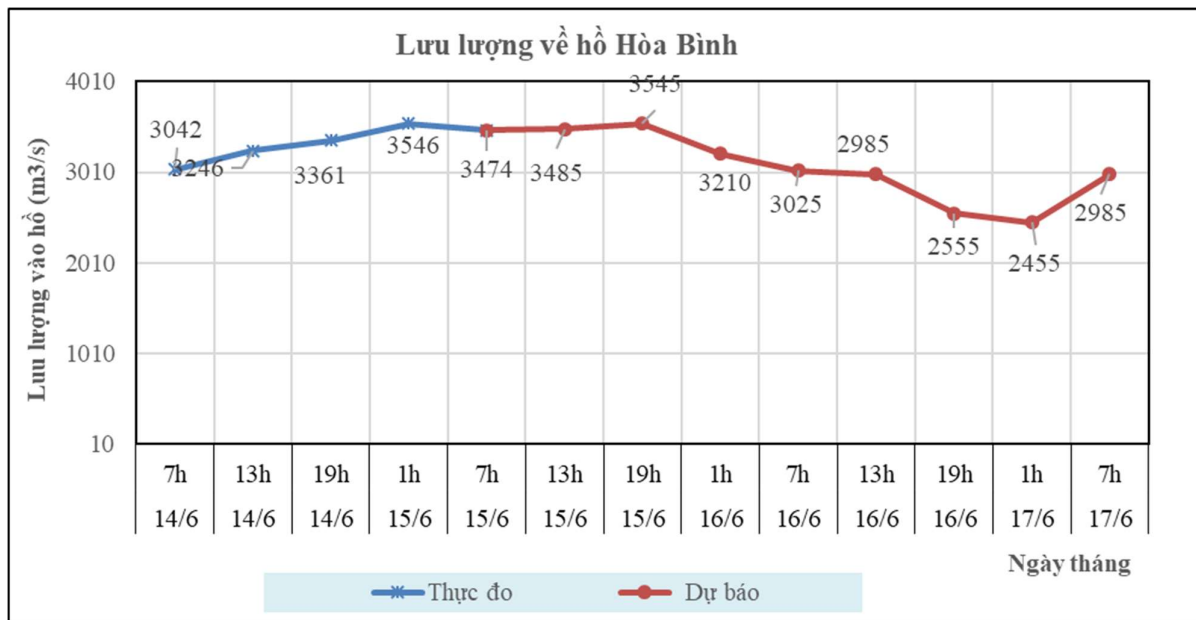
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

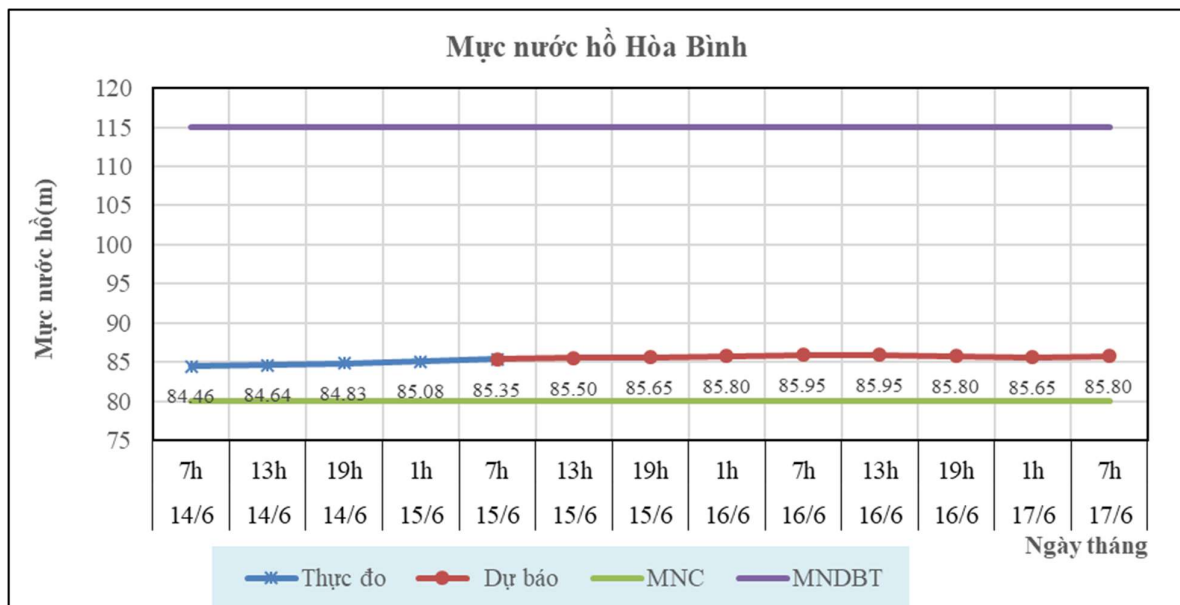
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/6/2025 đạt 3474m³/s, mực nước hồ đạt 85.35m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 1655m³/s, mực nước hồ 112.05m, 48h tới lưu lượng đạt 2329m³/s, mực nước đạt 111.9m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

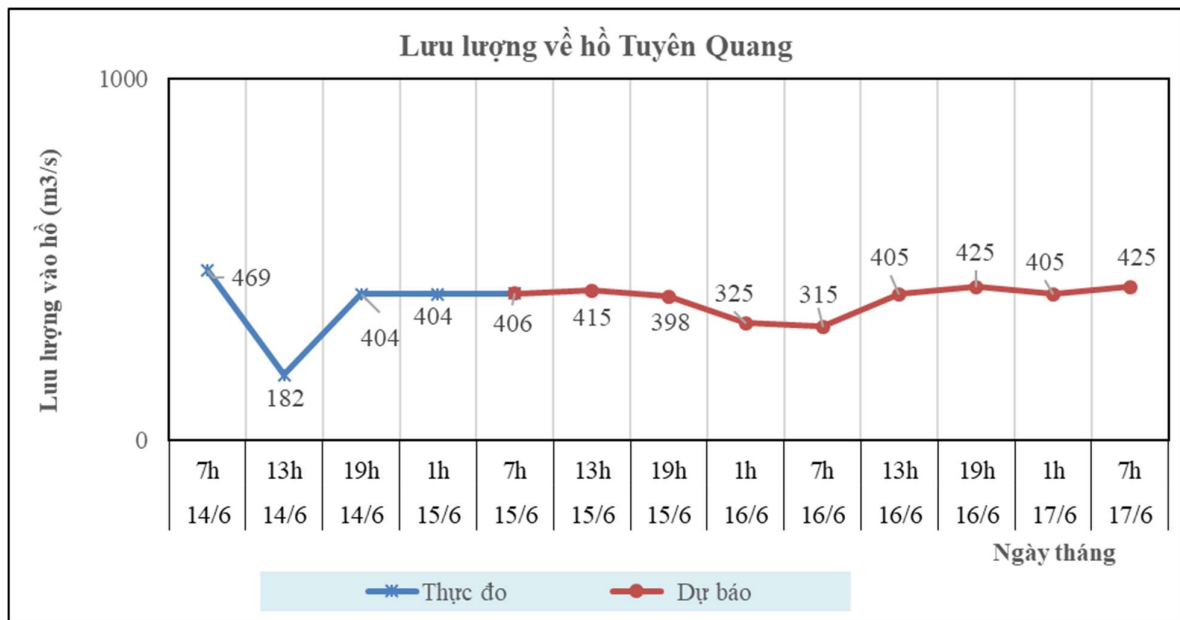
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

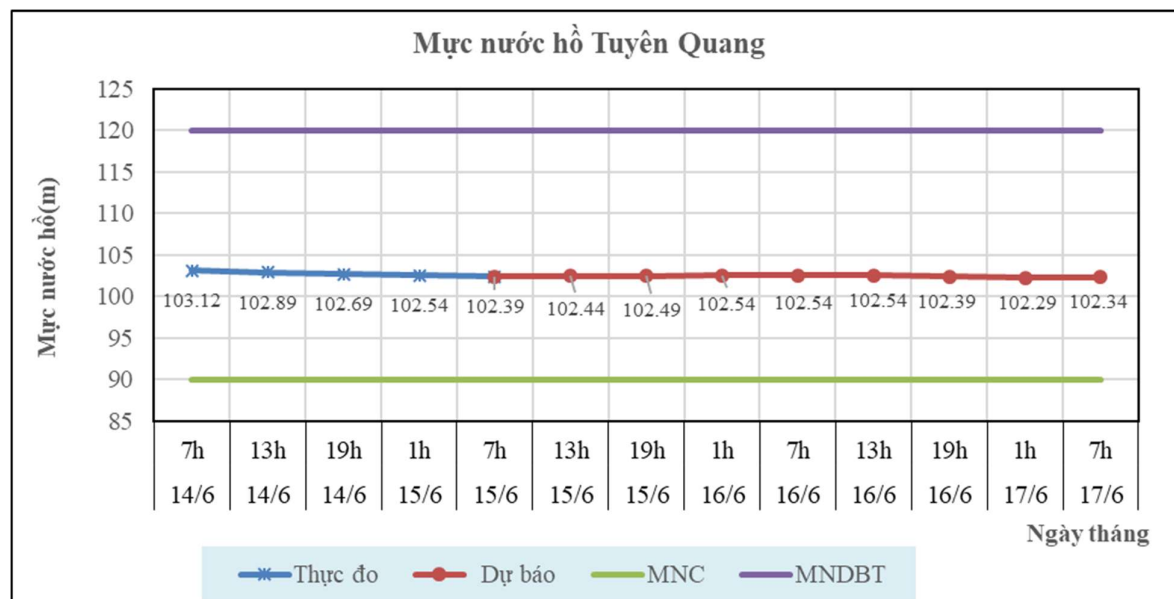
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/6/2025 đạt 406m³/s, mực nước hồ đạt 102.39m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 1901m³/s, mực nước hồ 117.2m, 48h tới lưu lượng đạt 2057m³/s, mực nước đạt 117.06m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

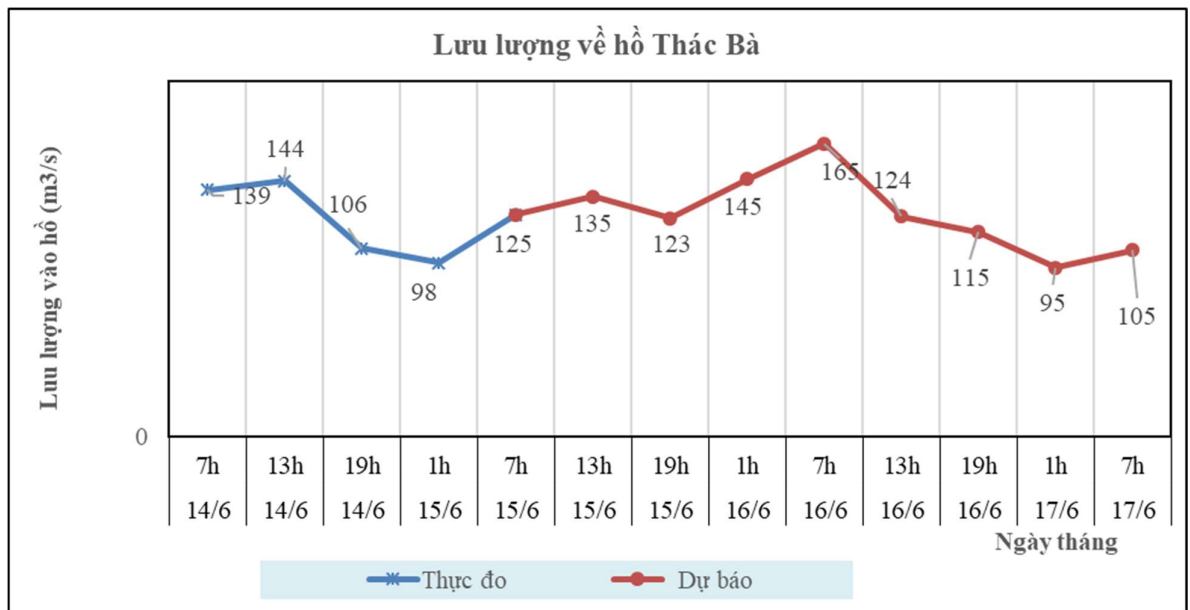
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

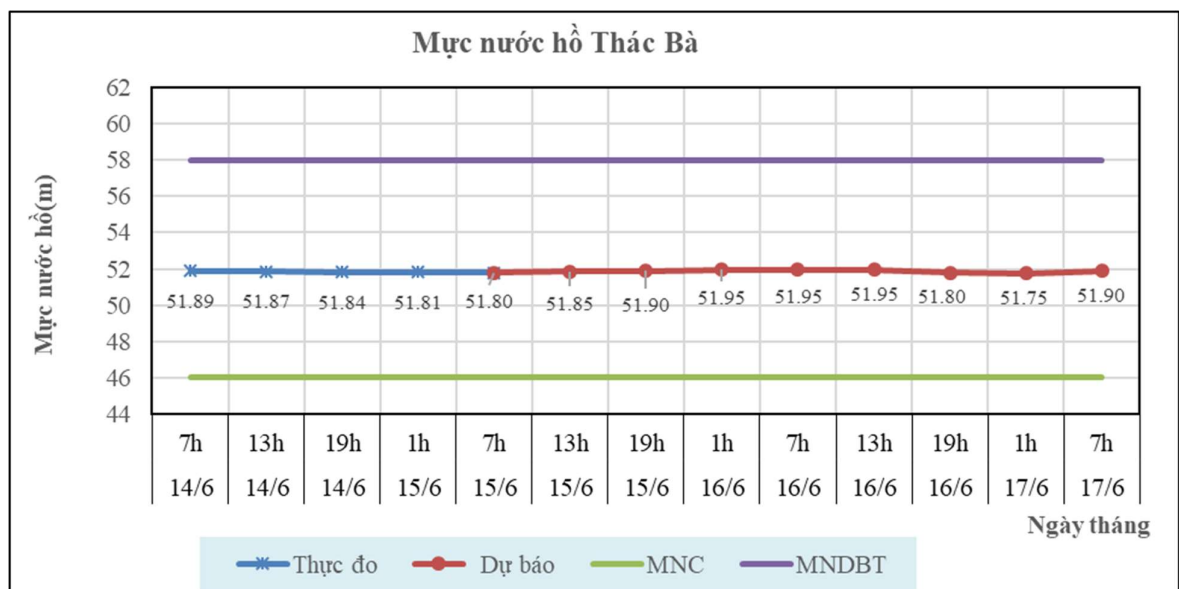
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/6/2025 đạt 125m³/s, mực nước hồ đạt 51.80m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 165m³/s, mực nước hồ 51.95m, 48h tới lưu lượng đạt 105m³/s, mực nước đạt 51.90m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BĐKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	15/6/2025	13h	0	0	3214	1593	214.12	0	0	2265	2285	112.25	0	0	2089	2455	117.30	0	0	2237	3334	59.33
2		19h	0	0	3045	1550	214.13	0	0	1965	2250	112.26	0	0	1828	2455	117.28	0	0	2152	3334	59.21
3	16/06/2025	1h	0	0	2975	1550	214.13	0	0	1875	2240	112.21	0	0	1767	2455	117.26	0	0	1985	3334	59.10
4		7h	0	0	3033	1590	214.13	0	0	1655	2365	112.05	0	0	1901	2455	117.20	0	0	1876	3334	59.05
5		13h	0	0	2865	1530	214.14	0	0	1543	2425	111.93	0	0	2022	2455	117.15	0	0	1655	3334	59.00
6		19h	0	0	2565	2245	214.14	0	0	2425	2375	111.93	0	0	2389	2455	117.08	0	0	1856	3334	58.89
7	17/06/2025	1h	0	0	2267	1880	214.15	0	0	2224	2855	111.91	0	0	2115	2455	117.06	0	0	1755	3334	58.85
8		7h	0	0	2145	2070	214.15	0	0	2329	2370	111.90	0	0	2057	2455	117.06	0	0	1665	3334	58.78